

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/DS-ST
Ngày: 24 – 4 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê xe.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2026/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng thuê xe” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐXX-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2026/QĐHPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2026/QĐHPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; trụ sở chính: 128 N, phường T, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật: Ông K; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 là nhân viên của Công ty Cổ phần S (Giấy ủy quyền ngày 05/5/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn V, sinh năm: 1998; thường trú tại: Thôn Đ, xã M, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: 62/28/1 đường N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Vào ngày 26/06/2025, ông Phan Văn V và chi nhánh Q - Công ty Cổ phần S Ngay có ký Hợp đồng cho thuê tài sản đã được đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trục tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: theo web: . Cụ thể, tài sản thuê là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74AF-088.57, loại xe Vario Indo màu đỏ, số khung MH1JA4650SK100080 - số máy JA69E5100082; giá thuê là 29.252.791 đồng; thời hạn thuê là 12 tháng từ ngày 26/06/2025 đến ngày 26/06/2026 số tiền thuê mỗi tháng là 2.437.732 đồng. Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4% áp dụng trong trường hợp không thanh toán đúng hạn. Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe ông Phan Văn V và ông Phan Văn V sẽ trả dần số tiền thuê chiếc xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền thuê là 2.437.732 đồng mỗi tháng như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê ông Phan Văn V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho Công ty từ ngày 27/07/2025, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 9 kì (247 ngày) . Ông Phan Văn V không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Tính đến ngày 24/4/2026, ông Phan Văn V vẫn chưa thanh toán tiền thuê xe cho công ty M đã được nhắc nhở nhiều lần. nhưng ông Phan Văn V không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả tiền thuê xe và trả lại tài sản thuê của Công ty. Từ nội dung sự việc trên, có thể khẳng định ông Phan Văn V đã có hành vi thuê lại tài sản của Công ty, nhận được xe thông qua Hợp đồng cho thuê xe và trả tiền thuê xe hàng tháng như đã thỏa thuận, ông Phan Văn V không thanh toán theo hợp đồng và trả lại xe cho công ty. Công ty Cổ phần S Có Ngay quyết định khởi kiện ông Phan Văn V ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Rút yêu cầu phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4%.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn V thanh toán cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền số tiền 21.939.588 đồng tính từ ngày 27/07/2025 đến 30/3/2026. Ngoài ra ông Phan Văn V phải tiếp tục chịu tiền thuê xe, phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Kể từ ngày bản án có hiệu lực công ty có quyền yêu cầu ông Phan Văn V thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); hộ chiếu (bản sao); hợp đồng cho thuê xe (bản sao); giấy ủy quyền (bản chính)...

Bị đơn – ông Phan Văn V đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông V không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc rút yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và rút yêu cầu phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tranh chấp hợp đồng thuê xe. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ, xác định đây là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán xe và hợp đồng cho thuê lại tài sản. Các hợp đồng này được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Theo thỏa thuận nguyên đơn đã giao xe cho bị đơn sử dụng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo định kỳ. Tuy nhiên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 04/5/2024 đến nay, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền thuê xe, là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Hợp đồng trên là phù hợp với quy định tại các Điều 116 về giao dịch dân sự; Điều 117 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; Điều 119 về hình thức giao dịch dân sự của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê từ ngày 27/7/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt. Do vậy, xem như bị đơn đã từ chối việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ theo quy định tại Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào 472 và 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 30/3/2026 là 21.939.588 đồng.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% , nguyên đơn đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại Điều 5, Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.096.979 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 557.000 đồng cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001324 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 119, 351, 472 và 481 của Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn - ông Phan Văn V về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê xe”.

Buộc ông Phan Văn V trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền thuê xe chưa trả tính đến ngày 30/3/2026 là 21.939.588 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/3/2026 ông Phan Văn V còn phải tiếp tục thanh toán tiền thuê xe theo Hợp đồng cho thuê xe ngày 26/6/2025.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần S Có Ngay với bị đơn – ông Phan Văn V đối yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4%.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.096.979 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 557.000 đồng cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001324 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV16 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc